

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST

Ngày: 11-7-2023

“V/v Tranh chấp hợp
đồng dân sự - hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị M

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phú H

Bà Bùi Thị H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXXST-DS ngày 02/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại T

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D.

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D là ông Lưu Văn H; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại T – Chi nhánh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 56, đường Nguyễn Huệ, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn H là ông Bùi Minh Th.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ 27, Ấp 1, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Th có mặt tại phiên tòa, bà M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hợp đồng vay tín chấp: Ngân hàng thương mại T có cho bà Trần Thị Ngọc M vay vốn tại hợp đồng tín dụng số 01601-00040 ký ngày 29/5/2020, bà M đã nhận nợ vay là 30.000.000 đồng.

- Dư nợ tính đến ngày 26/7/2022 là 6.493.000 đồng.

- Lãi trong hạn tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày 26/7/2022 (22 tháng, 06 ngày) với mức lãi 2%/tháng, số tiền là 2.934.836 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 17/9/2020 đến ngày 26/7/2022 (22 tháng, 05 ngày) với mức lãi 3%/tháng, số tiền là 1.465.254 đồng.

- Lãi phạt tính từ ngày 17/9/2020 đến ngày 26/7/2022 (22 tháng, 05 ngày) với mức tính 10% tổng số tiền lãi quá hạn, thành tiền là 146.525 đồng.

Nay, Ngân hàng thương mại T yêu cầu bà Trần Thị Ngọc M trả số tiền nợ gốc là 6.493.000 đồng. Lãi trong hạn 2.934.836 đồng; Lãi quá hạn, lãi phạt là 1.611.779 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 27/7/2022 đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 01601-00040 ký ngày 29/5/2020, các phụ lục hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc là 6.493.000 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 01601-00040 ký ngày 29/5/2020.

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/10/2020 đến ngày 11/7/2023 với mức lãi 24%/năm là 6.493.000 đồng là 4.298.366 đồng;

Lãi quá hạn tính từ ngày 22/10/2020 đến ngày 11/7/2023 với mức lãi 12%/năm là 2.147.019 đồng;

Lãi phạt tính 10%/tổng số tiền quá hạn là 214.019 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 13.153.087 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án.

Bị đơn Trần Thị Ngọc M: Trong quá trình giải quyết vụ án không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: Bảng kê tính lãi (Bản chính); Bản tính tiền lãi vay khách hàng; Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (Bản photo đã đối chiếu); Sổ hộ khẩu của Trần Thị Ngọc M (Bản photo đã đối chiếu); Giấy chứng minh nhân dân Trần Thị Ngọc M (Bản photo đã đối chiếu);

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc M đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại T số tiền vay của hợp đồng tín dụng số 01601-00040 ký ngày 29/5/2020.

Cụ thể, yêu cầu bà Trần Thị Ngọc M trả số tiền còn nợ của hợp đồng tín chấp số tiền nợ gốc là 6.493.000 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 01601-00040 ký ngày 29/5/2020.

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/10/2020 đến ngày 11/7/2023 với mức lãi 24%/năm là 6.493.000 đồng là 4.298.366 đồng;

Lãi quá hạn tính từ ngày 22/10/2020 đến ngày 11/7/2023 với mức lãi 12%/năm là 2.147.019 đồng;

Lãi phạt tính 10%/tổng số tiền quá hạn là 214.019 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 13.153.087 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng do chậm thi hành án. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Bản tính tiền lãi vay khách hàng Trần Thị Ngọc M ngày 26/7/2022 (bản chính); Hợp đồng tín dụng số 01601-00040 ngày 29/5/2020 do Trần Thị Ngọc M ký (bản photo) thể hiện bà Trần Thị Ngọc M có vay tiền của Ngân hàng thương mại T và hiện nay chưa trả khoản tiền vay như yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc M trả số tiền còn nợ của hợp đồng tín chấp số tiền 13.153.087 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại T. Buộc bà Trần Thị Ngọc M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại T còn nợ của hợp đồng tín dụng số tiền 13.153.087 đồng là có căn cứ.

Trong đó: Nợ gốc là 6.493.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/10/2020 đến ngày 11/7/2023 với mức lãi 24%/năm là 6.493.000 đồng là 4.298.366 đồng;

Lãi quá hạn tính từ ngày 22/10/2020 đến ngày 11/7/2023 với mức lãi 12%/năm là 2.147.019 đồng;

Lãi phạt tính 10%/tổng số tiền quá hạn là 214.019 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 13.153.087 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại T.

Buộc bà Trần Thị Ngọc M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại T số tiền nợ gốc và lãi là 13.153.087 đồng của Hợp đồng tín dụng số 01601-00040 ngày 29/5/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 11/7/2023, bà Trần Thị Ngọc M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại T thì lãi suất mà bà Trần Thị Ngọc M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại T theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 657.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngân hàng thương mại T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011812 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị M